

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 07- 2020.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tuyền;
2. Ông Nguyễn Xuân Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Cẩm Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07/07/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXX- ST ngày 18 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L – sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh T – sinh năm: 1988; Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Phú Yên.

- Người làm chứng: Ông V – sinh năm 1957; Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Phú Yên.
(*Cùng có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh T sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ cuối năm 2018 đến nay, chị L về sống tại phía chị ở xã H, huyện T; anh T sống tại phía anh T ở xã X, huyện C, không ai quan tâm đến ai.

Nay, Chị L nhận thấy tình cảm đã hết, thật sự không thể nào chung sống hạnh phúc với anh T nên yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 01 con tên là N – sinh ngày 08/9/2018, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh T có đơn trình bày thống nhất ly hôn, thống nhất giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản nhưng anh T xin vắng mặt, không đến Tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị L được ly hôn anh T; giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Y, sinh sống ở huyện C nhưng anh T có văn bản thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị L. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh Tâm có mâu thuẫn do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau và từ cuối năm 2018 đến nay, hai bên tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L, anh Tâm đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Xét thấy con chung tên là N lâu nay do chị L nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị L. Anh T, chị L thống nhất giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L làm công nhân, có sức khỏe, có thu nhập ổn định, trung bình 7.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi con và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị L được ly hôn anh T.
2. Con chung: Giao con chung tên là N – sinh ngày 08/9/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001911 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Tây Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H (*Chứng nhận kết hôn số 79/2017 ngày 05 tháng 10 năm 2017*);
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

